

川での水難事故に注意！ 死者が大勢出ています！

あなたと、あなたの大切な人の
命を守るために…



- 川ではライフジャケットを着用すること！
- 川は絶対に泳いで横断しないこと！
- 飲酒したら絶対に川に入らないこと！

水面は穏やかでも、
川の中には危険がたくさん！

- ◆ 川は急に深くなります
- ◆ 川の中では渦ができていて引き込まれます
- ◆ 川底の石は滑るのでうまく立てません

緊急の時は **ダイヤル119**に連絡を！



かわ じこ ちゅうい
川の事故に注意！
 し
死ぬことがあります！

いのち まも
命を守るために



- かわ
 ○ 川では ライフジャケットを
 き
着ましょう！
- かわ およ
 ○ 川を 泳いで わたらない！
- さけ の
 ○ お酒を 飲んだら
 かわ はい
 川に 入らない！

にほん かわ
日本の川は あぶない です！

- かわ ふか
 ◆ 川は 深いです
- かわ なが
 ◆ 川は 流れが はやい です
- かわ
 ◆ 川は すべり ます

ひと
おぼれている人を みつけたら 119 にでんわ！



Be aware of the possibility of accidents in rivers! Many deaths by drowning have occurred!

To protect your life and the lives of your loved ones...



○ Wear a life jacket to go in the river!

○ NEVER swim across the river!

○ NEVER go in the river after drinking alcohol!

There are many dangers in rivers, even if the water seems calm

- ◆ Rivers get deep suddenly.
- ◆ You can be pulled into a whirlpool.
- ◆ Slippery rocks on the riverbed mean you cannot stand properly.

*Dial **119** if there is an emergency!*



Cuidado com acidentes no rio! Alto número de vítimas fatais!

Para proteger a sua **vida**
e a **vida** dos seus entes
queridos:



○ Utilize sempre o colete salva-vidas no rios!

○ Nunca atravesse os rios nadando!

○ Nunca entre nos rios depois de ingerir bebidas alcoólicas!

Mesmo que a superfície da água esteja calma, existem muitos perigos nos rios!

- ◆ O nível da água dos rios pode aumentar repentinamente
- ◆ Redemoinhos se formam dentro dos rios, e podemos ser atraídos para dentro deles.
- ◆ As pedras no fundo dos rios são escorregadias e difíceis de pisar.

*Em caso de emergência, disque **119**!*



Mag-ingat sa mga aksidente sa ilog! Maraming namatay dahil sa pagkalunod!

Upang ma protektahan ang inyong sarili
at ang iyong mga mahal sa **buhay**...



- **Magsuot ng life jacket kapag nasa ilog!**
- **Hindi ka dapat lumangoy patawid sa ilog!**
- **Huwag pumasok sa ilog kung nakainom!**

**Kahit mukhang maayos ang tubig sa ibabaw,
maraming panganib sa loob ng ilog !**

- ◆ **Ang mga ilog ay maaaring biglang lumalim**
- ◆ **May mga whirlpool sa ilog na maaaring humila sa inyo.**
- ◆ **Ang mga bato sa ilalim ng ilog ay madulas at mahirap tumayo ng maayos.**

Tumawag sa **119** sa oras ng emergency!



Cẩn trọng với tai nạn đuối nước tại sông! Đã có rất nhiều người thiệt mạng!

Để bảo vệ **tính mạng
của chính bạn và người thân yêu...**



- Phải mặc áo phao cứu hộ tại sông suối!
- Tuyệt đối không được bơi qua sông!
- Tuyệt đối không xuống sông trong tình trạng say rượu!

**Dù mặt nước có tĩnh lặng,
nhưng có rất nhiều mối nguy hiểm trên sông!**

- ◆ Sông sẽ có khúc sâu đột ngột
- ◆ Bị cuốn vào dòng nước xoáy trong lòng sông
- ◆ Đá dưới lòng sông trơn trượt và khó đứng vững

Hãy gọi đến số **119 trong trường hợp khẩn cấp!**



谨防河道溺水事故！ 已出现多名不幸遇难者！

为保护您和至亲的人的

宝贵生命 . . .



- 下河要穿救生衣！
- 坚决不游泳过河！
- 酒后
坚决不下水！

**河面看似平静，
实则下面暗藏危险**

- ◆ 河床突然变深
- ◆ 河面下暗藏漩涡，人会被卷入
- ◆ 河底石头很滑，人站不稳

紧急情况请拨打**119**！

